

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Hà Nội trong lĩnh vực giám định tư pháp; Danh mục thủ tục hành chính liên thông với Bộ Tư pháp được chuẩn hóa, bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng, luật sư**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3493/TTr-STP ngày 22/12/2021 và Tờ trình số 82/TTr-STP ngày 11/01/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giám định tư pháp, Công chứng, Luật sư được chuẩn hóa, bãi bỏ, gồm:

1. Danh mục 12 thủ tục hành chính lĩnh vực Giám định tư pháp, Công chứng được chuẩn hóa (*chi tiết tại phụ lục I*);

2. Danh mục 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Giám định tư pháp, Công chứng, Luật sư (*chi tiết tại Phụ lục II*).

Sau khi công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, bãi bỏ nêu trên, tổng số thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp còn hiệu lực, thuộc thẩm quyền của các

cơ quan, đơn vị của Thành phố là 193 thủ tục, gồm 111 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp Thành phố; 31 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện; 37 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã; 11 thủ tục hành chính liên thông với Bộ Tư pháp; 03 thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố (có danh sách tổng hợp kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Các thủ tục sau đây trong Danh mục thủ tục hành chính tại Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; Danh mục thủ tục hành chính liên thông với Bộ Tư pháp; thủ tục hành chính liên thông trong nội bộ thành phố Hà Nội hết hiệu lực: Thủ tục hành chính thuộc mục VII, phụ lục 01; mục II, Phụ lục 04.

2. Các thủ tục sau đây trong Danh mục thủ tục hành chính tại Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa; Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội và liên thông với Bộ Tư pháp hết hiệu lực: Thủ tục hành chính số 5, mục I, phần B; Phụ lục II;

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa, bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định (trừ thủ tục hành chính Miễn nhiệm giám định viên tư pháp).

4. Các Sở, cơ quan ngang Sở có trách nhiệm tham mưu xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính Miễn nhiệm giám định viên tư pháp thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Đ/c Bí thư, các Phó Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PCVP, các phòng:  
NC, KGVX, TKBT, TH, HCTC, KSTTHC;
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Công Giao tiếp điện tử HN;
- Lưu: VT, STP, KSTTHC.



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 416 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	30 ngày	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	- Luật Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; - Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.
2	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	- Luật Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;
3	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	20 ngày	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
					ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; - Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.
4	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP.
5	Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP.
6	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn	45 ngày	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp;	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
	phòng giám định tư pháp		- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	pháp năm 2020; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP.
7	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	17 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP.
8	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	05 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP.
9	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn	05 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức:	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
	phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất		- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	pháp năm 2020; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP.

#### B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG VỚI BỘ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
	<b>Lĩnh vực Công chứng</b>				
1	Bổ nhiệm công chứng viên	- Tại Sở Tư pháp: 10 ngày. - Tại Bộ Tư pháp: 30 ngày.	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Sở Tư pháp: 10 ngày.</li> <li>- Tại Bộ Tư pháp: 30 ngày.</li> </ul>	Lựa chọn một trong các cách thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp;</li> <li>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a></li> </ul>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</li> </ul>
3	Miễn nhiệm công chứng viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Sở Tư pháp: 15 ngày.</li> <li>- Tại Bộ Tư pháp: 15 ngày.</li> </ul>	Lựa chọn một trong các cách thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp;</li> <li>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hanoi.gov.vn">https://dichvucong.hanoi.gov.vn</a></li> </ul>	Bộ phận Một cửa, Sở Tư pháp Hà Nội; địa chỉ: số 221 Trần Phú, quận Hà Đông, Hà Nội.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.</li> </ul>

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 416 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Thứ tự DM TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
<b>A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ</b>			
<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>			
1	Số 3 mục VII phụ lục 01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP.</li> <li>- Quyết định số 524/QĐ-BTP ngày 05/4/2021 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</li> </ul>
2	Số 6 mục VII phụ lục 01	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	
3	Số 7 mục VII phụ lục 01	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	



<b>B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG VỚI BỘ TƯ PHÁP</b>			
<b>Lĩnh vực Công chứng</b>			
1	Số 4 mục II phụ lục 04	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp bị miễn nhiệm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13.</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Công chứng.</li> <li>- Quyết định 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG VỚI BỘ TƯ PHÁP</b>			
<b>Lĩnh vực Luật sư</b>			
1	Số 5 mục I, phần B, phụ lục II	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012.</li> <li>- Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp</li> </ul>

## DANH MỤC

**Tổng hợp thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp còn hiệu lực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

**Tổng số 193 TTHC, gồm:**

- + 111 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp Thành phố
- + 31 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện;
- + 37 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp xã.
- + 11 TTHC liên thông với Bộ Tư pháp;
- + 03 TTHC liên thông giữa các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
A		<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố</b>	
I.		<b>Lĩnh vực Luật sư</b>	<b>QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020</b>
1.	1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
2.	2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
3.	3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
4.	4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	
5.	5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
6.	6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
7.	7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
8.	8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
9.	9	Hợp nhất công ty luật	
10.	10	Sáp nhập công ty luật	
11.	11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	
12.	12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
13.	13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
14.	14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
<b>II.</b>		<b>Lĩnh vực Công chứng</b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
15.	1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
16.	2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
17.	3	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
18.	4	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
19.	5	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
20.	6	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	
21.	7	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		viên	
22.	8	Cấp lại Thẻ công chứng viên	
23.	9	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	
24.	10	Thành lập Văn phòng công chứng	
25.	11	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	
26.	12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	
27.	13	Hợp nhất Văn phòng công chứng	
28.	14	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	
29.	15	Sáp nhập Văn phòng công chứng	
30.	16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	
31.	17	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	
32.	18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	
33.	19	Thành lập Hội công chứng viên	
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý</b>	
34.	1	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
35.	2	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
36.	3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
37.	4	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
38.	5	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
39.	6	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
<b>IV.</b>		<b>Lĩnh vực Trọng tài thương mại</b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
40.	1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
41.	2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
42.	3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
43.	4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
44.	5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
45.	6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
<b>V.</b>		<b><i>Lĩnh vực Thừa phát lại</i></b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
46.	1	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	
47.	2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	
48.	3	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Thừa phát lại	
49.	4	Cấp lại thẻ Thừa phát lại	
50.	5	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	
51.	6	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	
52.	7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	
53.	8	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
54.	9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	
55.	10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	
56.	11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	
57.	12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	
58.	13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	
<b>VI.</b>		<b>Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</b>	<b>QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020</b>
59.	1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	
60.	2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
61.	3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
62.	4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	
63.	5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
64.	6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	
<b>VII.</b>		<b>Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</b>	<b>QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020</b>
65.	1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
66.	2	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
67.	3	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
68.	4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	
69.	5	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
<b>VIII.</b>		<b>Lĩnh vực Đấu giá tài sản</b>	<b>QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020</b>
70.	1	Cấp Thẻ đấu giá viên	
71.	2	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	
72.	3	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
73.	4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
74.	5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
75.	6	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
76.	7	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	
77.	8	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	
<b>IX.</b>		<b>Lĩnh vực Hòa giải thương mại</b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
78.	1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	



TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
79.	2	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
80.	3	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	
81.	4	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
82.	5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
83.	6	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	
84.	7	Đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
85.	8	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
86.	9	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	
<b>X.</b>		<b><i>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</i></b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
87.	1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	
88.	2	Quy trình về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	
89.	3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	
90.	4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
<b>XI.</b>		<b><i>Lĩnh vực Hộ tịch</i></b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
91..	1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
<b>XII.</b>		<b><i>Lĩnh vực Quốc tịch</i></b>	<b>QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020</b>
92.	1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	
93.	2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
94.	3	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
95.	4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
96.	5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
<b>XIII.</b>		<b><i>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</i></b>	
97.	1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021
98.	2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
99.	3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
<b>XIV</b>		<b><i>Lĩnh vực Giám định tư pháp</i></b>	<b>QĐ 524/QĐ-BTP ngày 05/4/2021 và QĐ công bố của UBND TP</b>
100.	1	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
101.	2	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	
102.	3	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	
103.	4	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	
104.	5	Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
105.	6	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	
106.	7	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	
107.	8	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng GDTP trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng GDTP	
108.	9	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng GDTP trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	
<b>XV</b>		<b><i>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</i></b>	<b>QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019</b>
109.	1	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	
110.	2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	
111.	3	Phục hồi danh dự	
<b>B.</b>		<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện</b>	
<b>I.</b>		<b><i>Lĩnh vực Hộ tịch</i></b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
112.	1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
113.	2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
114.	3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
115.	4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
116.	5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
117.	6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
118.	7	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
119.	8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
120.	9	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
121.	10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
122.	11	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
123.	12	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
124.	13	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
125.	14	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
126.	15	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
127.	16	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
<i>II.</i>		<i>Lĩnh vực Chứng thực</i>	
128.	1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
129.	2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
130.	3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
131.	4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
132.	5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
133.	6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
134.	7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
135.	8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
136.	9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
137.	10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
138.	11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
139.	12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
140.	1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
<b>IV.</b>		<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>	<b>QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019</b>
141.	1	Phục hồi danh dự	
142.	2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	
<b>C.</b>		<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</b>	
<b>I.</b>		<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
143.	1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
144.	2	Đăng ký khai sinh	
145.	3	Đăng ký kết hôn	
146.	4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
147.	5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
148.	6	Đăng ký khai tử	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
149.	7	Đăng ký khai sinh lưu động	
150.	8	Đăng ký kết hôn lưu động	
151.	9	Đăng ký khai tử lưu động	
152.	10	Đăng ký giám hộ	
153.	11	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
154.	12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	
155.	13	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
156.	14	Đăng ký lại khai sinh	
157.	15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
158.	16	Đăng ký lại kết hôn	
159.	17	Đăng ký lại khai tử	
<b>II.</b>		<b>Lĩnh vực Chứng thực</b>	
160.	1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
161.	2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
162.	3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020



TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
163.	4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
164.	5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
165.	6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
166.	7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
167.	8	Chứng thực di chúc	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
168.	9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
169.	10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
170.	11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
171.	1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	
172.	2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
<b>IV</b>		<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>	<b>QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019</b>
173.	1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	
<b>V</b>		<b>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật</b>	<b>QĐ 4304/QĐ-UBND ngày</b>

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
			13/8/2019
174.	1	Công nhận tuyên truyền viên PL	
175.	2	Cho thôi làm tuyên truyền viên PL	
<b>VI</b>		<b>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở</b>	<b>QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019</b>
176.	1	Công nhận hòa giải viên	
177.	2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
178.	3	Thôi làm hòa giải viên	
179.	4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
<b>D.</b>		<b>Quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên thông</b>	
<b>I.</b>		<b>Lĩnh vực Luật sư</b>	<b>QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020</b>
180.	1	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	
181.	2	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	
182.	3	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	
183.	4	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	

TT		Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
<b>II.</b>		<b>Lĩnh vực Đấu giá tài sản</b>	<b>QĐ 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020</b>
184.	1	Thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá trong trường hợp thôi hành nghề theo nguyện vọng	
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Thừa phát lại</b>	<b>QĐ 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021</b>
185.	1	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	
186.	2	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	
187.	3	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	
<b>IV.</b>		<b>Lĩnh vực Công chứng</b>	
188.	1	Bỏ nhiệm công chứng viên	
189.	2	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	
190.	3	Miễn nhiệm công chứng viên	
<b>V.</b>		<b>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</b>	<b>QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019</b>
191.	1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp liên thông với Sở Lao động thương binh và xã hội	
<b>VI.</b>		<b>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở</b>	<b>QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019</b>
192.	1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
VII.	<i>Lĩnh vực Hộ tịch</i>	QĐ 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
193.	1 Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện)	
	2 Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện)	